

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM Y TẾ  
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 954 /TB-TTYT

Lái thiêu, ngày 20 tháng 7 năm 2026

V/v mời báo giá để lựa chọn đơn vị  
ký hợp đồng theo đơn giá cố định  
cung cấp dịch vụ sửa chữa máy  
lạnh, tủ mát

Kính gửi: Các Công ty/Đơn vị cung cấp

Căn cứ tờ trình số 374/TTr-TCHC, Về việc ký hợp đồng sửa chữa máy lạnh,  
tủ mát tại các khoa/phòng (BGĐ);

Căn cứ tờ trình số 375/TTr-TCHC, Về việc ký hợp đồng sửa chữa máy lạnh,  
tủ mát tại các khoa/phòng (HĐMS);

Căn cứ BBHĐMS số: 92/BB-HĐMS-TTYT, ngày 24 tháng 07 năm 2026 về  
việc thông qua các gói mua sắm ngày 24/7/2026;

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An có nhu cầu lựa chọn đơn vị để ký hợp đồng  
theo đơn giá cố định cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì máy lạnh, tủ lạnh, tủ mát  
phục vụ hoạt động chuyên môn của các khoa, phòng.

Kính mời các Công ty/Đơn vị có đủ tư cách pháp lý, năng lực và kinh nghiệm  
tham gia gửi báo giá theo các hạng mục như sau:

| STT | Nội dung                                                                         | ĐVT         | Số lượng | Ghi chú                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------------------------|
| 1   | Danh mục hạng mục sửa chữa,<br>bảo trì máy lạnh, tủ mát theo<br>Phụ lục đính kèm | Danh<br>mục | 01       | Báo giá theo từng<br>hạng mục |

- Giá trị dự toán của hợp đồng: 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng chẵn)
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Dự kiến 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc đến khi giá trị hợp đồng được thực hiện hết (tùy điều kiện nào đến trước).

Yêu cầu đối với bảng báo giá:

- Báo giá đơn giá của từng hạng mục theo Phụ lục đính kèm.
- Đơn giá báo giá là đơn giá cố định trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Đơn giá đã bao gồm thuế GTGT (VAT), chi phí nhân công, vật tư, vận chuyển, lắp đặt và các chi phí liên quan khác để hoàn thành hạng mục sửa chữa.



Thời gian nhận báo giá: 05 ngày kể từ ngày ra thông báo. (Trong giờ hành chính, kể cả thứ 7, chủ nhật và ngày nghỉ theo quy định).

Bảng báo giá vui lòng gửi về: Phòng Tổ chức hành chính, Trung tâm Y tế khu vực Thuận An.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên hệ: 0909.977.501 (CN. Lê Thanh Hải)

Thông báo này được đăng tải trên Website chính thức của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An; Website: <http://trungtamytethuanan.com.vn/>

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An rất mong nhận được sự quan tâm của Quý Công ty/Đơn vị.

Trân trọng./*N*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Dán thông báo chung;
- Website TTYT;
- Phòng KHNH (Hỗ trợ đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC.



PHÒNG GIÁM ĐỐC



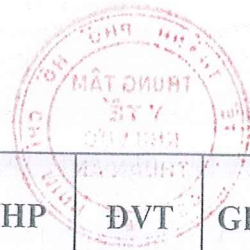
Phòng Y tế

Phòng Y tế  
Số: 1234  
Hà Nội, ngày 15/10/2023

Phụ lục đính kèm thông báo số: 954 /TB-TTYT, ngày 30 tháng 7 năm 2026

| STT | Diễn giải         | Nội dung công việc                     | Công suất/HP | ĐVT | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------|--------------|-----|---------|
| 1   | Máy lạnh dàn lạnh | Vệ sinh máy lạnh                       | 1hp-5.5hp    | Lần |         |
| 2   |                   | Sửa mất nguồn, chập/hở mạch            | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 3   |                   | Sửa board dàn lạnh (mono)              | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 4   |                   | Sửa board dàn lạnh (inverter)          | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 5   |                   | Thay cảm biến nhiệt độ phòng           | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 6   |                   | Thay mất nhận tín hiệu remote          | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 7   |                   | Thay mô tơ lá đảo gió                  | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 8   |                   | Thay tụ quạt dàn lạnh                  | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 9   |                   | Thay stato mô tơ dàn lạnh              | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 10  |                   | Thay mô tơ quạt dàn lạnh (AC)          | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 11  |                   | Thay mô tơ quạt dàn lạnh (DC)          | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 12  |                   | Sửa xì dàn lạnh (hàn)                  | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 13  |                   | Xử lý nghẹt dàn lạnh (tháo dàn)        | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 14  |                   | Thay quạt (lồng sóc)                   | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 15  | Máy lạnh dàn nóng | Sửa board dàn nóng (inverter)          | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 16  |                   | Thay van đảo chiều                     | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 17  |                   | Thay tụ quạt dàn nóng                  | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 18  |                   | Thay tụ đề block                       | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 19  |                   | Xử lý nghẹt ống mao (Capillary)        | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 20  |                   | Thay cánh quạt dàn nóng                | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 21  |                   | Thay mô tơ quạt dàn nóng               | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 22  |                   | Sửa xì dàn nóng (hàn)                  | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 23  |                   | Thay rơ le bảo vệ block                | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 24  |                   | Thay terminal nối 3 chân block         | 1-2.5hp      | Bộ  |         |
| 25  |                   | Thay bộ dây nối 3 chân block           | 1-2.5hp      | Bộ  |         |
| 26  |                   | Thay khởi động từ (contactor)          | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 27  |                   | Thay máy nén (block) máy lạnh          | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 28  | Hệ thống          | Sửa nghẹt đường thoát nước             | 1-2.5hp      | Lần |         |
| 29  |                   | Thay gen cách nhiệt và silicone        | 1-2.5hp      | Mét |         |
| 30  |                   | Thay bơm thoát nước                    | 1-2.5hp      | Cái |         |
| 31  |                   | Nạp gas toàn bộ – R22 (mono)           | 1hp          | Máy |         |
| 32  |                   | Nạp gas toàn bộ – R22 (mono)           | 1.5hp        | Máy |         |
| 33  |                   | Nạp gas toàn bộ – R22 (mono)           | 2hp          | Máy |         |
| 34  |                   | Nạp gas toàn bộ – R32/R410A (inverter) | 1hp          | Máy |         |
| 35  |                   | Nạp gas toàn bộ – R32/R410A (inverter) | 1.5hp        | Máy |         |
| 36  |                   | Sạc bổ sung gas (R22/R410A/R32)        | 1-2.5hp      | PSI |         |
| 37  | Tháo - lắp        | Treo tường (2 cục)                     | 1-2.5hp      | Bộ  |         |
| 38  | Tháo - lắp        | Tủ đứng                                | 3-5hp        | Bộ  |         |
| 39  | Tháo              | Công tháo máy                          |              | Bộ  |         |
| 40  | Lắp               | Công lắp máy                           |              | Bộ  |         |

✓



| STT | Diễn giải          | Nội dung công việc                      | Công suất/HP | ĐVT | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------|--------------|-----|---------|
| 41  | Vật tư<br>lắp đặt  | Ống đồng                                | 1hp          | Mét |         |
| 42  |                    | Ống đồng                                | 1.5–2hp      | Mét |         |
| 43  |                    | Ống đồng                                | 2.5–4hp      | Mét |         |
| 44  |                    | Dây điện                                | 2            | Mét |         |
| 45  |                    | Dây điện                                | 2,5          | Mét |         |
| 46  |                    | Nẹp điện                                | 2–2.5cm      | Mét |         |
| 47  |                    | Thay ống nước ruột gà                   |              | Mét |         |
| 48  |                    | Thay ống nước nhựa                      |              | Mét |         |
| 49  | Phụ kiện           | Remote điều khiển máy lạnh              |              | Cái |         |
| 50  |                    | Giá đỡ dàn nóng lạnh (Eke)              | 1–2–2.5–3hp  | Cặp |         |
| 51  |                    | Cầu dao tự động (CB)                    | 20–30–40A    | Cái |         |
| 52  | Tủ lạnh,<br>tủ mát | Thay mô tơ quạt dàn lạnh (quạt đảo gió) |              | Cái |         |